

BIỂU SỐ 20/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH THEO THỦ TỤC PHÚC THẨM

- **Dòng 1 (Số vụ án Tòa án xét kháng cáo quá hạn):** Thống kê số vụ Tòa án đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn trong kỳ thống kê (đã ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn) (Điều 208 Luật TTHC).

- **Dòng 2 (T.đó: Số vụ án Tòa án chấp nhận kháng cáo quá hạn):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận kháng cáo quá hạn trong kỳ thống kê.

- **Dòng 3 (Số vụ án VKS tham gia phiên họp):** Thống kê số vụ án Tòa án đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn mà có sự tham gia của KSV trong kỳ thống kê.

- **Dòng 4 (Số vụ án VKS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới (kháng nghị trên một cấp):** Thống kê số vụ VKS đã có quyết định kháng nghị trong kỳ thống kê đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp dưới (chỉ áp dụng cho VKS cấp tỉnh và các Viện cấp cao).

- **Dòng 5 (Tr.đó :Số vụ án VKS kháng nghị đối với bản án):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị phúc thẩm đối với bản án của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Số vụ án VKS kháng nghị đối với các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị phúc thẩm đối với các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Số vụ án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 8 (Số vụ án tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án đã có quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê trước, nhưng trong kỳ thống kê này Tòa án đã ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án (Điều 142 LTTHC) vì không còn lý do tạm đình chỉ. Số này không nằm trong số vụ án còn lại của kỳ trước.

- **Dòng 9 (Số vụ án VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số vụ án VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án trong kỳ thống kê

Dòng 9 = Tổng số Dòng 10 đến Dòng 17

- **Từ dòng 10 đến dòng 17:** Phân loại số vụ án VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án trong kỳ thống kê theo khiếu kiện cụ thể (Điều 30 Luật TTHC).

- **Dòng 18 (Số vụ án Tòa án gửi thông báo cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số vụ án VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê (Dòng 9) và Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn quy định theo Điều 217 Luật TTHC trong kỳ thống kê.

- **Dòng 19 (Tổng số vụ án VKS thụ lý):** Thống kê số vụ án VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê

D19 = Dòng 7 + Dòng 8 + Dòng 9

- **Dòng 20 (Số vụ án VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ):** Thống kê những vụ án VKS đã có văn bản (trong kỳ thống kê) yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm (khoản 6 Điều 84 Luật TTHC).

- **Dòng 21 (Số vụ án Tòa án thực hiện yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của VKS):** Thống kê số vụ VKS đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê (Yêu cầu có thể ở kỳ thống kê trước hoặc trong kỳ thống kê nhưng Tòa án đã thực hiện yêu cầu đó của VKS trong kỳ thống kê).

- **Dòng 22 (Số vụ án VKS có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ án VKS đã có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp chứng cứ trong kỳ thống kê để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm (khoản 4 Điều 93 Luật TTHC).

- **Dòng 23 (Số vụ án VKS xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ):** Thống kê số vụ án VKS đã tự mình thu thập hồ sơ, tài liệu, vật chứng để quyết định kháng nghị phúc thẩm trong kỳ thống kê (khoản 6 Điều 84 Luật TTHC).

- **Dòng 24 (Số vụ án Tòa án đã giải quyết xong):** Thống kê số vụ án Tòa án đã giải quyết xong ở cấp tố tụng này trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (T. đó: Số vụ Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa):** Thống kê số vụ Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa trong kỳ thống kê (Điều 229 LTTHC).

- **Dòng 26 (T. đó: Do VKS rút kháng nghị):** Thống kê số vụ án mà Tòa án ra QĐ đình chỉ xét xử phúc thẩm do VKS rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa

- **Dòng 27 (T. đó: Do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới):** Thống kê số vụ án Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa, phiên họp phúc thẩm do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới

- **Dòng 28 (Số vụ án Tòa án đã xét xử):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 29 (T. đó: Số vụ án có kiểm sát viên tham gia phiên tòa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm và có kiểm sát viên tham gia phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 30 (Số vụ án VKS kháng nghị):** Thống kê số vụ án VKS có kháng nghị mà Tòa án đã xét xử phúc thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 31 (T. đó: Số vụ án Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ án Tòa án chấp nhận một phần hoặc toàn bộ kháng nghị của VKS.

- **Dòng 32 (Số vụ án Tòa án bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm (khoản 1 Điều 241 và điểm a khoản 5 Điều 243 Luật TTHC).

- **Dòng 33 (Số vụ án Tòa án sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm (khoản 2 Điều 241 và điểm b khoản 5 Điều 243 Luật TTHC).

- **Dòng 34 (T. đó: Theo hướng kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ án hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm và theo hướng kháng nghị của VKS

- **Dòng 35 (Số vụ án do lỗi của cấp sơ thẩm):** Thống kê số vụ Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm do lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm.

- **Dòng 36 (Số vụ án Tòa án hủy bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại (khoản 3 Điều 241 và điểm c khoản 5 Điều 243 Luật TTHC).

- **Dòng 37 (T. đó: Theo hướng kháng nghị của VKS):** Thống kê số vụ Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ, việc cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng kháng nghị của VKS

- **Dòng 38 (Số vụ án do lỗi của cấp sơ thẩm):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại do lỗi chủ quan của cấp sơ thẩm.

- **Dòng 39 (Số vụ Tòa án hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án (khoản 4 Điều 241 Luật TTHC).

- **Dòng 40 (T. đó: Số vụ án Tòa án hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án, quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 143 LTTHC (dòng 26 nằm trong dòng 25).

- **Dòng 41 (Số vụ án Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm tại phiên tòa):** Thống kê số vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử vụ án tại phiên tòa (khoản 5 Điều 241 Luật TTHC).

- **Dòng 42 (Tr. đó: Do VKS rút kháng nghị)** Thống kê số vụ HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử do VKS rút kháng nghị.

- **Dòng 43 (Tr. đó: Do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới):** Thống kê số vụ Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm do VKS rút kháng nghị của VKS cấp dưới.

- **Dòng 44 (Số vụ án VKS tổ chức tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm):** Thống kê số vụ VKS đã tổ chức tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm trong kỳ thống kê (Lưu ý: Không thống kê phiên tòa do Tòa án tổ chức).

- **Dòng 45 (Số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia):** Thống kê số vụ án có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia trong kỳ thống kê (Điều 61 Luật TTHC).

- **Dòng 46 (Tr. đó: số vụ án có luật sư):** Thống kê số vụ án có luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư trong kỳ thống kê (Điểm a, Khoản 2, Điều 61 Luật TTHC).

- **Dòng 47 (Số vụ án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Toà án đã ra quyết định TĐC trong kỳ thống kê (Điều 141 Luật TTHC).

- **Dòng 48 (Số vụ án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Toà án đã ra quyết định tạm đình chỉ từ các kỳ thống kê trước, trong kỳ thống kê này nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê các vụ đó chưa được Toà án ra quyết định để giải quyết tiếp

Số vụ án Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê = Số vụ Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ thống kê trước + Số vụ Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê - Số vụ TĐC được Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê.

Dòng 48 = Dòng 48 của kỳ thống kê trước + Dòng 47 - Dòng 8).

- **Dòng 49 (Số bản án, quyết định Tòa án gửi cho VKS):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 50 (Số bản án, quyết định đã kiểm sát):** Thống kê số bản án, quyết định Tòa án, VKS cấp dưới đã chuyển đến và VKS đã kiểm sát xong bản án, QĐ đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 51 (Số bản án, quyết định do VKS cấp dưới chuyển đến):** Thống kê số bản án, quyết định VKS cấp dưới đã chuyển đến và VKS đã kiểm sát xong bản án, quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 52 (Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về thời hạn (Điều 228, 229, 230, 244 Luật TTHC). vi phạm về nội dung hoặc hình thức.

- **Dòng 53 (Tr. đó: Số bản án, quyết định tòa án gửi cho VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm.

- **Dòng 54 (Số vụ án báo cáo VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm):** Thống kê số vụ án Viện kiểm sát thấy có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và đã có văn bản báo cáo VKS có thẩm quyền kháng nghị trong kỳ thống kê.

- **Dòng 55 (Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ án VKS đã thụ lý và Tòa án chưa giải quyết xong phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết.

- **Dòng 56 (Tr. đó: Số vụ án quá hạn luật định):** Thống kê số vụ án Tòa án chưa giải quyết nhưng đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 221 Luật TTHC), đã quá thời hạn hoãn phiên tòa (Điều 232 Luật TTHC).

- **Dòng 57 (Số QĐ giám định lại của VKSNDTC):** Thống kê số QĐ giám định lại của VKSNDTC trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật... (Khoản 5 Điều 89 LTTHC).

- **Dòng 58 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước).

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 19, 20, 21), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê

vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa.

- Dòng 59 (Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):

Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 76 LTTHC).

- Dòng 60 (Về áp dụng thủ tục rút gọn): Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về áp dụng thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê gồm: kiến nghị vi phạm về nội dung, hình thức (có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước) (Điều 248 LTTHC).

- Dòng 61 (Về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn): Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về gửi bản án, quyết định, thông báo, văn bản cho VKS không đúng thời hạn.

- Dòng 62 (Số bản kiến nghị được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án đã có văn bản của Tòa án về việc chấp nhận kiến nghị.

- Dòng 63 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận) Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã có văn bản của Tòa án về việc không chấp nhận kiến nghị trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- Dòng 64 (Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác): Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát giải quyết vụ án hành chính trong kỳ thống kê.

Nếu trong một bản kiến nghị có cả kiến nghị về thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm hoặc phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm; thì chỉ thống kê vào một trong 3 biểu (Biểu 19, 20, 21), đã thống kê vào biểu sơ thẩm rồi thì không thống kê vào biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm nữa, hoặc đã thống kê vào biểu phúc thẩm rồi thì không thống kê vào biểu giám đốc thẩm nữa.